TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NGÀY 06/11/2026

I. VÙNG THƯỢNG

TT	Trạm	Xã/phường	Tỉnh	Sông/kênh	BĐ I	BĐ II	BĐ III	Cảnh báo	Mực nước lớn nhất thực đo (m)			Mực nước lớn nhất dự báo (m)										Xu thế
									03/11	04/11	05/11	06/11	07/11	08/11	09/11	10/11	11/11	12/11	13/11	14/11	15/11	
1	Tân Châu*	P. Tân Châu	An Giang	S. Tiền	3,50	4,00	4,50		1,97	2,01	2,00	2,05	2,07	2,09	2,09	2,10	-	-	-	-	-	↑
2	Châu Đốc*	P. Châu Đốc	An Giang	S. Hậu	3,00	3,50	4,00		2,03	2,07	2,09	2,14	2,16	2,18	2,19	2,20	-	-	-	-	-	↑
3	Sông Trăng	Hưng Điền	Tây Ninh	K. Sông Trăng					-	-	-	1,47	1,44	1,41	1,39	1,36	1,35	1,35	1,37	1,38	1,38	↓
4	Vàm Đồn	Khánh Hưng	Tây Ninh	K. Cái Cỏ					1,42	1,37	1,32	1,29	1,27	1,24	1,22	1,20	1,18	1,18	1,20	1,21	1,21	↓
5	Tân Hưng	Tân Hưng	Tây Ninh	K. Hồng Ngự - LA	2,20	2,80	3,50		1,65	1,60	1,55	1,52	1,48	1,45	1,42	1,40	1,39	1,39	1,40	1,42	1,42	↓
6	Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng	Tây Ninh	Kênh 28					1,62	1,57	1,52	1,49	1,47	1,44	1,41	1,39	1,38	1,38	1,40	1,41	1,41	↓
7	Mộc Hoá	Mộc Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,20	1,60	2,00		1,27	1,23	1,19	1,06	1,04	1,02	1,00	0,99	0,99	0,99	1,01	1,03	1,03	↓
8	Tuyên Nhơn	Thạnh Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,10	1,30	1,50		1,08	1,05	1,02	1,01	1,00	0,99	0,99	0,99	0,99	1,00	1,02	1,04	1,03	↑
9	T.Thới Hậu A	P. Thường Lạc	Đồng Tháp	S. Sở Thượng					2,03	2,02	2,01	1,98	1,96	1,95	1,95	1,95	1,96	1,97	1,96	1,94	1,90	↓
10	Dinh Bà	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Sở Hạ					1,78	1,74	1,72	1,67	1,66	1,65	1,65	1,66	1,66	1,66	1,69	1,71	1,70	↑
11	Tân Hồng	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên					-	-	-	1,67	1,64	1,61	1,60	1,59	1,58	1,59	1,61	1,63	1,62	↓
12	Tân Công Sính	Tràm Chim	Đồng Tháp	K. Hồng Kỳ					-	-	-	1,65	1,61	1,58	1,57	1,56	1,56	1,57	1,58	1,60	1,59	↓
13	An Long	An Long	Đồng Tháp	K. Hồng Kỳ					2,02	2,05	2,05	2,01	1,97	1,96	1,97	1,99	2,00	1,99	1,96	1,96	1,93	↓
14	Trường Xuân	Trường Xuân	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	1,50	2,00	2,50		1,62	1,58	1,54	1,51	1,48	1,45	1,43	1,42	1,41	1,41	1,43	1,44	1,44	↓
15	Mỹ An	Tháp Mười	Đồng Tháp	K. NV Tiếp					1,47	1,43	1,40	1,38	1,35	1,33	1,34	1,34	1,34	1,35	1,36	1,35	1,32	↓
16	Xuân Tô	P. Tịnh Biên	An Giang	K. Vĩnh Tế	3,00	3,50	4,00		1,28	1,20	1,22	1,19	1,16	1,15	1,15	1,14	1,14	1,14	1,16	1,17	1,15	↓
17	Khánh An	An Phú	An Giang	S. Bình Ghi	4,20	4,70	5,20		2,23	2,22	2,21	2,15	2,11	2,08	2,05	2,02	2,00	1,97	1,97	1,96	1,94	↓
18	Tri Tôn	Tri Tôn	An Giang	K. Tri Tôn	2,00	2,40	2,80		1,14	1,10	1,10	1,10	1,08	1,07	1,07	1,07	1,07	1,07	1,08	1,10	1,09	↑
19	Vàm Nao	Phú Tân	An Giang	S. Vàm Nao	2,50	2,90	3,30		1,92	1,96	1,98	1,94	1,91	1,88	1,90	1,95	1,94	1,93	1,92	1,87	1,88	↓
20	Long Xuyên	P. Long Xuyên	An Giang	S. Hậu	1,90	2,20	2,50		1,94	2,00	2,02	2,02	1,99	1,98	1,99	2,02	2,03	2,04	2,01	1,98	1,91	↓
21	Núi Sập	Thoại Sơn	An Giang	K. RG - Long Xuyên	1,40	1,80	2,20		1,29	1,27	1,29	1,27	1,25	1,24	1,23	1,23	1,22	1,22	1,24	1,26	1,26	↓
22	Vĩnh Điều	Giang Thành	An Giang	K. Vĩnh Tế	1,70	2,00	2,30		1,04	1,03	1,05	1,04	1,03	1,02	1,02	1,01	1,01	1,01	1,03	1,05	1,05	↑
23	Hòa Điền	Kiên Lương	An Giang	K. RG - Hà Tiên	1,50	1,80	2,10		-	-	-	0,42	0,47	0,50	0,52	0,54	0,54	0,55	0,55	0,56	0,55	↑
24	Ba Thê	Hòn Đất	An Giang	K. Ba Thê					-	-	-	1,14	1,13	1,11	1,10	1,09	1,09	1,08	1,11	1,12	1,12	↓

- Trong 03 ngày vừa qua, lũ đầu nguồn sông Cửu Long tại Tân Châu và Châu Đốc ở mức thấp và đang tăng trở lại theo triều, hiện mực nước Tân Châu đạt 2,00 m, Châu Đốc đạt 2,09 m. Mực nước nội đồng vùng Thượng ĐBSCL có xu thế giảm phổ biến dưới mức BĐI, chỉ một số trạm mực nước vẫn duy trì trên BĐI. Dự báo 10 ngày tới, mực nước các trạm trên vùng Thượng biến đổi ở mức thấp và có xu thế giảm nhẹ, chỉ một số trạm ảnh hưởng mạnh bởi triều có xu thế tăng nhẹ.

II. VÙNG GIỮA

TT	Trạm	Xã/phường	Tỉnh	Sông/kênh	BĐ I	BĐ II	BĐ III	Cảnh báo	Mực nước lớn nhất thực đo (m)			Mực nước lớn nhất dự báo (m)									Xu thế
									03/11	04/11	05/11	06/11	07/11	08/11	09/11	10/11	11/11	12/11	13/11	14/11	15/11	
1	Cần Thơ	P. Cái Khế	Cần Thơ	S. Hậu	1,80	1,90	2,00		1,59	1,65	1,66	1,71	1,76	1,83	1,87	1,93	1,98	2,00	1,97	1,94	1,82	↑
2	Mỹ Thuận	P. Tân Ngãi	Vĩnh Long	S. Tiền	1,60	1,70	1,80		1,39	1,53	1,60	1,67	1,73	1,78	1,85	1,89	1,90	1,85	1,85	1,77	1,69	↑
3	Tân Lập	Tân Long	Tây Ninh	K. Bo Bo					-	-	-	1,02	1,03	1,05	1,07	1,10	1,12	1,14	1,17	1,18	1,16	↑
4	Bến Lức	Bến Lức	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Đông	1,30	1,40	1,50		1,12	1,29	1,29	1,35	1,35	1,35	1,36	1,39	1,41	1,40	1,40	1,37	1,30	↑
5	Tân An	P. Long An	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,20	1,40	1,60		1,24	1,56	1,52	1,55	1,55	1,53	1,54	1,60	1,60	1,58	1,57	1,53	1,48	↓
6	Cai Lậy	Cai Lậy	Đồng Tháp	Kênh 12	1,50	1,65	1,70		1,39	1,39	1,38	1,52	1,51	1,52	1,53	1,55	1,56	1,58	1,58	1,58	1,54	↑
7	Long Định	Long Định	Đồng Tháp	K. Nguyễn Tấn Thành	1,50	1,60	1,70		1,10	1,17	1,10	1,20	1,20	1,23	1,26	1,29	1,31	1,34	1,35	1,35	1,32	↑
8	Mỹ Tho	P. Mỹ Tho	Đồng Tháp	S. Tiền	1,40	1,50	1,60		1,11	1,39	1,41	1,53	1,53	1,50	1,55	1,62	1,60	1,59	1,53	1,45	1,36	↓
9	Vàm Kênh	Gò Công Đông	Đồng Tháp	S. Cửa Tiểu	1,40	1,50	1,60		1,22	1,25	0,98	1,37	1,35	1,36	1,40	1,43	1,46	1,42	1,35	1,29	1,21	↓
10	Chợ Lách	Chợ Lách	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,70	1,80	1,90		1,32	1,53	1,57	1,67	1,64	1,64	1,72	1,75	1,78	1,74	1,68	1,61	1,53	↓
11	Mỹ Hóa	P. Bến Tre	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,55	1,65	1,75		1,16	1,37	1,40	1,50	1,51	1,48	1,54	1,59	1,58	1,59	1,52	1,44	1,38	↓
12	G1	Châu Thành	Vĩnh Long	S. Giao Hòa					-	-	-	1,49	1,48	1,44	1,48	1,55	1,54	1,52	1,48	1,41	1,34	↓
13	Cao Lãnh	Cao Lãnh	Đồng Tháp	S. Tiền	1,90	2,10	2,30		1,81	1,83	1,84	1,89	1,85	1,82	1,87	1,94	1,93	1,91	1,88	1,83	1,77	↓
14	Lai Vung	Lai Vung	Đồng Tháp	K. Hòa Long					1,95	1,90	1,88	1,86	1,86	1,89	1,92	1,96	1,99	2,01	2,02	1,99	1,94	↑
15	Ba Càng	Tam Bình	Vĩnh Long	S. Ba Càng					-	-	1,58	1,58	1,59	1,62	1,67	1,72	1,76	1,79	1,81	1,81	1,78	↑
16	G2	Quới An	Vĩnh Long	S. Măng Thít					-	-	-	1,66	1,64	1,65	1,66	1,69	1,72	1,72	1,67	1,63	1,52	↓
17	G3	Trà Ôn	Vĩnh Long	S. Măng Thít					-	-	-	1,56	1,54	1,56	1,59	1,62	1,64	1,68	1,67	1,63	1,56	↑
18	G4	Tân An	Vĩnh Long	S. An Trường					-	-	-	0,58	0,58	0,59	0,61	0,64	0,66	0,68	0,70	0,72	0,71	↑
19	Tân Hiệp	Tân Hiệp	An Giang	K. Cái Sắn	0,90	1,20	1,50		0,90	0,88	0,87	0,88	0,86	0,85	0,84	0,83	0,82	0,83	0,85	0,86	0,86	↓
20	Ô Môn	P. Ô Môn	Cần Thơ	K. Ô Môn					-	-	-	1,40	1,40	1,41	1,42	1,46	1,49	1,50	1,52	1,52	1,47	↑
21	Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	Cần Thơ	K. Thốt Nốt					1,15	1,15	1,13	1,12	1,11	1,11	1,12	1,12	1,13	1,14	1,16	1,17	1,17	↑
22	Vị Thanh	P. Vị Thanh	Cần Thơ	K. Xà No	0,55	0,65	0,75		0,91	0,86	0,81	0,83	0,83	0,84	0,85	0,86	0,86	0,87	0,88	0,88	0,88	↑
23	Phụng Hiệp	P. Ngã Bảy	Cần Thơ	S. Cái Côn	1,20	1,30	1,40		1,46	1,48	1,49	1,54	1,55	1,55	1,57	1,61	1,63	1,65	1,66	1,61	1,57	↑
24	Đại Ngãi	Long Phú	Cần Thơ	S. Hậu	1,80	1,90	2,00		1,20	1,48	1,55	1,63	1,65	1,64	1,68	1,72	1,73	1,76	1,76	1,68	1,59	↑
25	G5	P. Ngã Năm	Cần Thơ	K. QL - Phụng Hiệp					-	-	-	0,84	0,84	0,84	0,85	0,86	0,87	0,88	0,90	0,91	0,92	↑
26	Phước Long	Phước Long	Cà Mau	K. QL - Phụng Hiệp	0,60	0,75	0,90		1,03	1,02	1,01	1,00	1,00	0,99	0,99	1,00	1,00	1,01	1,02	1,03	1,03	↑
27	Giồng Riềng	Giồng Riềng	An Giang	K. Nước Mặn					-	-	-	0,69	0,70	0,71	0,72	0,73	0,73	0,74	0,75	0,75	0,74	↑

-Trong 03 ngày vừa qua, mực nước trên các trạm vùng Giữa ĐBSCL phổ biến ở mức thấp, chỉ riêng khu vực các trạm Vị Thanh, Phụng Hiệp (Tp. Cần Thơ) và Phước Long (tỉnh Cà Mau) mực nước duy trì ở mức cao trên BĐIII, hiện đang có xu thế tăng trở lại theo triều. Dự báo 10 ngày tới, mực nước các trạm trên vùng Giữa có xu thế tăng với cường suất trung bình 2,0 cm/ngày và đạt đỉnh kỳ triều cường vào các ngày 11-12/11 phổ biến từ BĐII-BĐIII, trạm Cần Thơ mực nước đỉnh triều dự báo đạt mức BĐIII, trạm Mỹ Thuận (tỉnh Vĩnh Long) mực nước đỉnh triều dự báo vượt BĐIII 0,1 m. ***Kiến nghị các địa phương vùng Giữa ĐBSCL cần đề phòng và chủ động các phương án ứng phó với nguy cơ có thể sẽ xảy ra ngập tại các khu dân sinh và nguy cơ tràn các bờ bao sản xuất có cao trình thấp trong kỳ triều cường giữa tháng 11, đặc biệt trong các ngày từ ngày 11 - 13/11/2026.***

III. VÙNG VEN BIỂN

TT	Trạm	Xã/phường	Tỉnh	Sông/kênh	BĐ I	BĐ II	BĐ III	Cảnh báo	Mực nước lớn nhất thực đo (m)			Mực nước lớn nhất dự báo (m)									Xu thế
									03/11	04/11	05/11	06/11	07/11	08/11	09/11	10/11	11/11	12/11	13/11	14/11	15/11	
1	Bình Đại	Bình Đại	Vĩnh Long	S. Cửa Đại	1,60	1,70	1,80		1,41	1,44	1,20	1,54	1,56	1,62	1,66	1,69	1,72	1,68	1,61	1,55	1,47	↓
2	An Thuận	Tân Thủy	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,60	1,70	1,80		1,37	1,42	1,17	1,53	1,54	1,62	1,65	1,69	1,71	1,68	1,64	1,58	1,49	↑
3	Bến Trại	Thạnh Phong	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,65	1,75	1,85		1,45	1,19	1,55	1,59	1,64	1,69	1,73	1,76	1,79	1,79	1,76	1,71	1,59	↑
4	Trà Vinh	P. Hòa Thuận	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,70	1,80	1,90		1,64	1,52	1,71	1,79	1,79	1,86	1,91	1,94	1,96	1,97	1,93	1,87	1,77	↑
5	VB1	Đôn Châu	Vĩnh Long	K. Quan Chánh Bố					-	-	-	1,85	1,84	1,86	1,87	1,88	1,94	1,96	1,91	1,87	1,72	↓
6	Trần Đề	Trần Đề	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	2,10	2,20	2,30		1,86	1,42	1,92	2,01	2,04	2,08	2,12	2,17	2,18	2,20	2,21	2,11	2,01	↑
7	VB2	P. Khánh Hòa	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh					-	-	-	1,48	1,50	1,52	1,54	1,59	1,63	1,66	1,66	1,65	1,57	↑
8	VB4	Giá Rai	Cà Mau	K. CM - Bạc Liêu					-	-	-	1,58	1,60	1,62	1,65	1,69	1,73	1,74	1,78	1,77	1,75	↑
9	VB3	P. Bạc Liêu	Cà Mau	S. Bạc Liêu					-	-	-	1,07	1,08	1,12	1,16	1,20	1,25	1,29	1,32	1,34	1,35	↑
10	Cà Mau	P. Lý Văn Lâm	Cà Mau	S. Gành Hào	0,65	0,75	0,85		1,12	1,11	1,09	1,05	1,07	1,08	1,11	1,13	1,16	1,19	1,22	1,16	1,15	↑
11	Năm Căn	Ngọc Hiển	Cà Mau	S. Cửa Lớn	1,40	1,50	1,60		1,21	1,33	1,43	1,49	1,54	1,58	1,60	1,62	1,62	1,63	1,62	1,61	1,56	↑
12	Sông Đốc	Trần Văn Thời	Cà Mau	S. Ông Đốc	0,75	0,85	0,95		0,92	0,81	0,75	0,85	0,90	0,95	1,00	1,04	1,07	1,09	1,09	1,08	1,06	↑
13	VB5	Thới Bình	Cà Mau	S. Trẹm					-	-	-	0,62	0,61	0,60	0,61	0,60	0,60	0,60	0,63	0,64	0,64	↑
14	Rạch Giá	P. Rạch Giá	An Giang	S. Kiên	0,70	0,80	0,90		0,67	0,51	0,46	0,49	0,50	0,52	0,55	0,56	0,57	0,58	0,57	0,57	0,56	↑
15	Xẻo Rô	Châu Thành	An Giang	S. Cái Lớn	0,80	0,90	1,00		0,63	0,47	0,41	0,47	0,57	0,66	0,73	0,77	0,80	0,80	0,79	0,76	0,73	↑
16	Vàm Răng	Hòn Đất	An Giang	K. RG - Hà Tiên					0,93	0,90	0,88	0,86	0,85	0,85	0,85	0,85	0,85	0,85	0,86	0,87	0,87	↑
17	Vàm Rầy	Hòn Đất	An Giang	K. HT - Rạch Giá					1,02	0,97	0,94	0,93	0,96	0,96	0,96	0,96	0,97	0,97	0,98	1,00	1,00	↑
18	VB7	An Minh	An Giang	K. Cán Gáo					-	-	-	0,52	0,52	0,52	0,52	0,52	0,52	0,52	0,54	0,56	0,56	↑
19	VB6	Vĩnh Thuận	An Giang	S. Cái Lớn					-	-	-	0,47	0,53	0,59	0,62	0,64	0,66	0,66	0,66	0,66	0,64	↑

- Trong 03 ngày vừa qua, mực nước trên các trạm vùng Ven Biển ở mức thấp phổ biến dưới BĐI, chỉ riêng trạm Cà Mau (tỉnh Cà Mau) mực nước duy trì trên BĐIII, hiện đang có xu thế tăng trở lại theo triều. Dự báo 10 ngày tới mực nước các trạm trên vùng Ven Biển có xu thế tăng với cường suất trung bình 2,0 cm/ngày và đạt đỉnh kỳ triều cường vào các ngày giữa tháng 11 phổ biến từ BĐII-BĐIII. Chỉ riêng khu vực trạm Cà Mau mực nước duy trì ở mức cao trên BĐIII. ***Kiến nghị các địa phương vùng Ven Biển ĐBSCL cần đề phòng và chủ động các phương án ứng phó với nguy cơ có thể sẽ xảy ra ngập tại các khu dân sinh và nguy cơ tràn các bờ bao sản xuất có cao trình thấp trong kỳ triều cường giữa tháng 11, đặc biệt trong các ngày từ ngày 11 - 13/11/2026 và khu vực có nguy cơ ngập cao nhất là khu vực trung tâm TP. Cà Mau.***

Ghi chú:

↑ Mực nước có xu thế tăng;

↓ Mực nước có xu thế giảm;

\- Không có số liệu;

* Trạm dự báo của Trung tâm Khí tượng Thủy văn Trung ương (Dự báo 5 ngày tới).

Thang cảnh báo rủi ro thiên tai

Dưới mức BĐI	Cấp 1 (BĐI - BĐII)	Cấp 2 (BĐII - BĐIII)	Cấp 3 (BĐIII - BĐIII + 0,5 m)	Cấp 4 (≥ BĐIII + 0,5 m)

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ TRẠM DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÙNG ĐBSCL



Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam - Phòng Khoa học Công nghệ & Hợp tác Quốc tế

Năm thực hiện 2026

Nơi nhận:
- Bộ NN&MT (để b/c);
- Trung tâm QH&ĐTTNNQG (để b/c);
- Cục QL&XDCTTL (để b/c);
- Sở NN&MT các tỉnh ĐBSCL;
- Chi cục Thủy lợi các tỉnh ĐBSCL;
- Phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các xã/phường thuộc các tỉnh ĐBSCL;
- Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam;
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu VPV (bộ phận Kế hoạch);
- Lưu P.KHCN&HTQT.

VIỆN TRƯỞNG

Thông tin liên hệ:

- Chủ nhiệm dự báo: Nguyễn Huy Khôi DĐ: 0913.106.641 Email: nhkhoihl@yahoo.com
- Dự báo viên: Trần Mạnh Thứ DĐ: 0967.161.808 Email: manhthuwru@gmail.com
  Trần Đức Đông DĐ: 0989.872.205 Email: tranducdongvn@yahoo.com.vn